

BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ VÀ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM 11/2025

**CÂN BẰNG GIỮA ỔN ĐỊNH VÀ
TĂNG TRƯỞNG**

Võ Nguyễn Vũ Toàn

Macro Analyst

toan.vnv@vdsc.com.vn

Đoàn Hoàng Gia Bảo

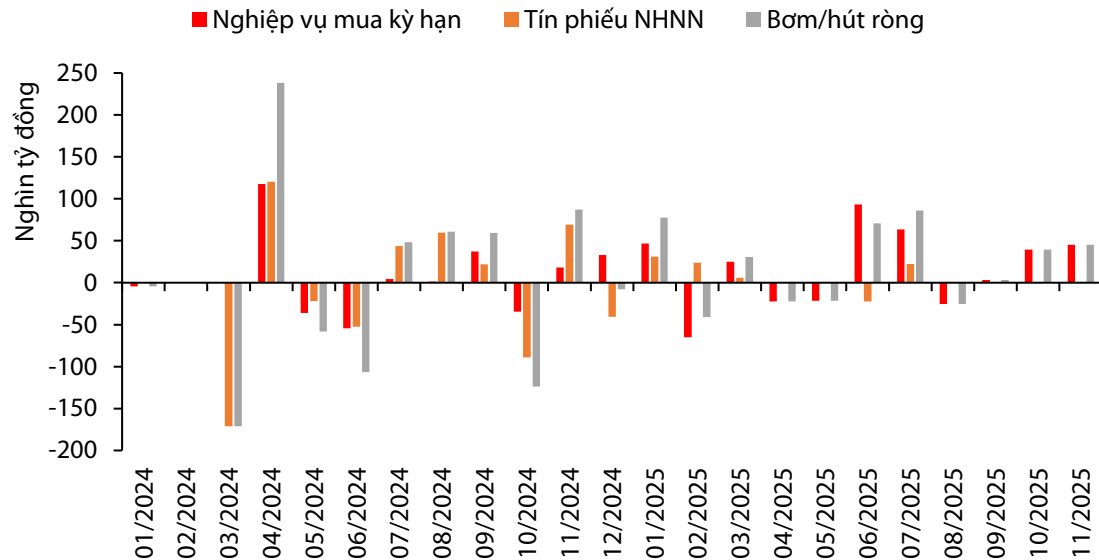
Data Analyst

Bao.dhg@vdsc.com.vn



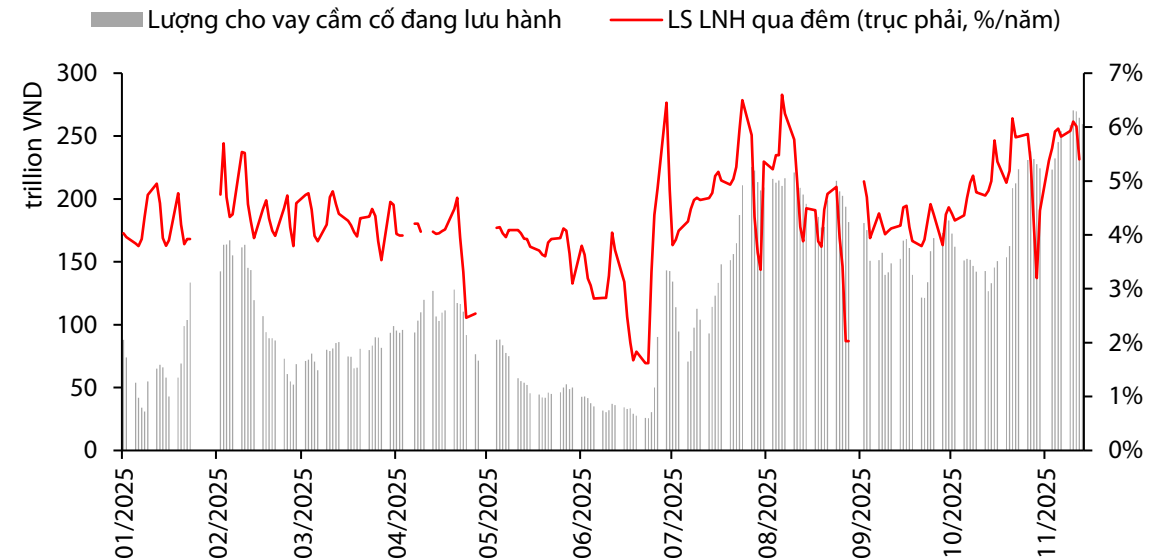
- NHNN duy trì điều tiết thanh khoản thông qua nghiệp vụ mua kỳ hạn theo hướng hỗ trợ vừa phải trong tháng 11. Số dư nghiệp vụ mua kỳ hạn tăng 20,2% so với cuối tháng trước phản ánh nhu cầu vốn ngắn hạn vẫn cao trong hệ thống ngân hàng và vẫn chưa hoàn toàn hạ nhiệt.
- Chênh lệch tỷ giá giữa thị trường tự do và chính thức duy trì ở mức cao từ giữa tháng 10 đến nay, đạt khoảng 1.249 đồng/USD tại ngày 25/11. Dù khoảng cách này đã bắt đầu thu hẹp từ giữa tháng 11, mức chênh lệch hiện tại vẫn cao hơn đáng kể so với giai đoạn bình thường, phản ánh khả năng mất giá của VND và tâm lý găm giữ ngoại tệ của người dân vẫn còn.
- Trong ngắn hạn, nguồn cung ngoại tệ do NHNN chủ động cung ứng trong tương lai (~4,4 tỷ USD) là yếu tố neo kỳ vọng tỷ giá trên thị trường chính thức. Bên cạnh đó, dòng kiều hối thường dồi dào dịp cuối năm, cùng với việc chênh lệch lãi suất liên ngân hàng VND–USD được duy trì ở vùng hợp lý.
- Các chủ tịch Fed trước đây có giọng điệu điều hòa đã phát tín hiệu đảo chiều trong các phát biểu gần đây, với chuỗi dữ liệu việc làm và tiêu dùng dưới kỳ vọng, thị trường hiện định giá xác suất Fed cắt lãi suất 0,25% trong tháng 12 giúp hỗ trợ tỷ giá trong nước.
- Tháng 10/2025, giá trị trúng thầu TPCP phục hồi so với 2 tháng trước, đưa lũy kế 10T lên 283.429 nghìn tỷ đồng, tương đương 56,7% kế hoạch năm và lãi suất trúng thầu tiếp tục tăng thêm 21 điểm cơ bản so với tháng trước.
- Tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu ở mức 67,2% và trúng thầu/gọi thầu ở mức 40,7% vẫn nằm trong vùng thấp của năm, dù đã cải thiện dần theo từng phiên. Trong Quý 4, KBNN đặt mục tiêu phát hành 145 nghìn tỷ đồng TPCP để hoàn thành kế hoạch cả năm 500 nghìn tỷ đồng.
- Trên thị trường sơ cấp, phát hành TPDN trong tháng 10/2025 phục hồi rõ nét với 52 đợt phát hành, giá trị đạt 64.602 tỷ đồng (+29% so với tháng trước, +90% so với cùng kỳ), cho thấy kênh TPDN đang dần khởi sắc sau giai đoạn trầm lắng. Lũy kế 10 tháng, tổng giá trị phát hành đạt 442.030 tỷ đồng (+38,9% svck). Về kỳ hạn, trái phiếu dưới 5 năm chiếm tới 74,5% tổng giá trị phát hành, phản ánh xu hướng ưu tiên kỳ hạn ngắn – trung hạn để giảm rủi ro lãi suất và linh hoạt tái cấu trúc nợ.
- Giá trị mua lại trước hạn trong tháng 10 đạt 19.498 tỷ đồng (+9,7% svck), cho thấy xu hướng doanh nghiệp chủ động mua lại nợ tiếp tục nhưng đã bớt sôi động hơn so với quý 3. Trong khi đó, áp lực đáo hạn tăng mạnh trong tháng 12, với giá trị khoảng 30 nghìn tỷ đồng, so với tháng 11 tương đối bình lặng chỉ khoảng 3,09 nghìn tỷ đồng.

Diễn biến bơm/hút ròng của NHNN trong năm 2025



Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt

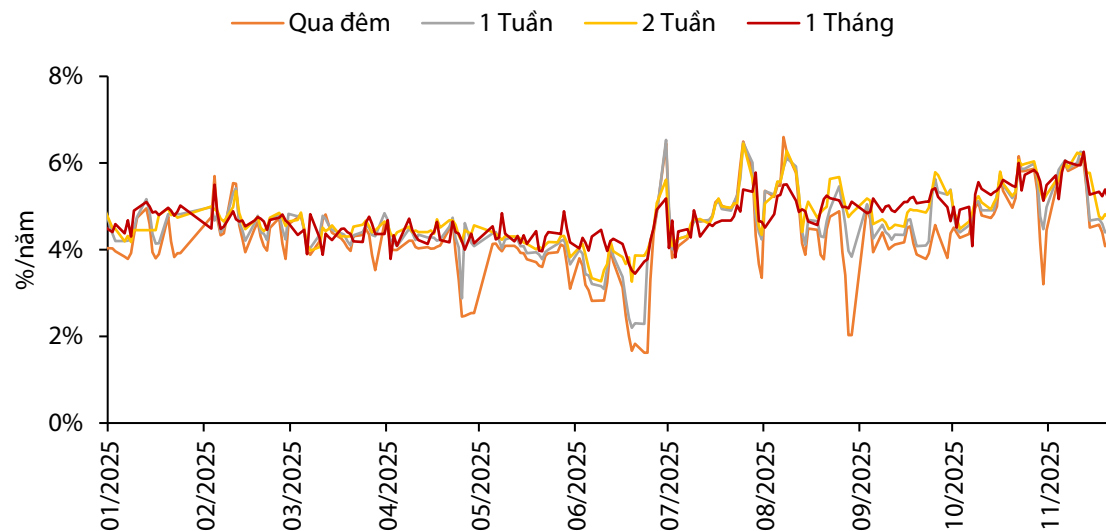
Quy mô cho vay cầm cố và lãi suất cho vay LNH qua đêm



Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt

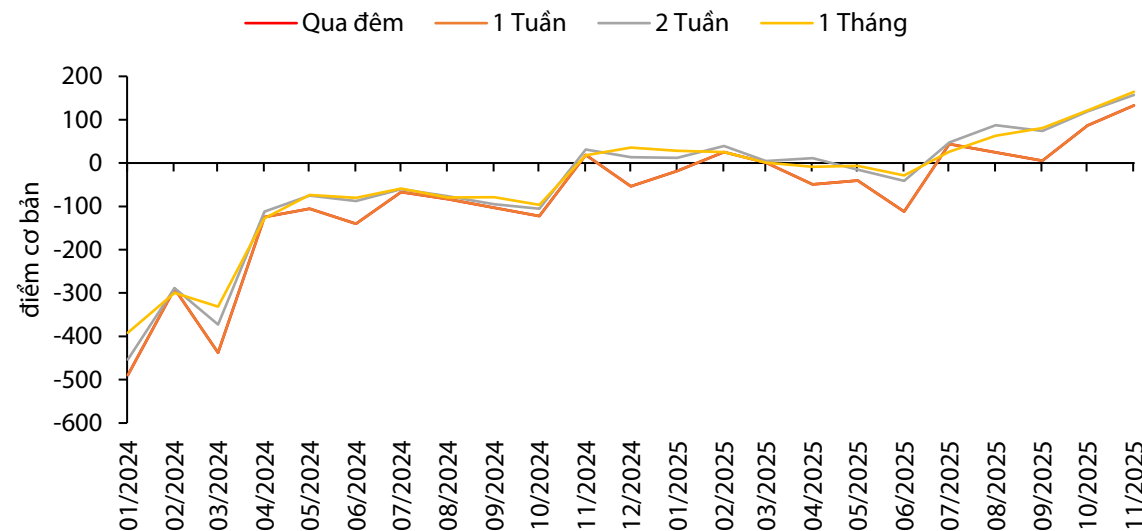
- Tháng 11, NHNN tiếp tục điều tiết thanh khoản hệ thống thông qua nghiệp vụ mua kỳ hạn theo hướng hỗ trợ vừa phải. Tính đến ngày 24/11, NHNN bơm ròng khoảng 45,2 nghìn tỷ đồng, với tổng giá trị cho vay đạt 268,1 nghìn tỷ đồng và giá trị đáo hạn 222,8 nghìn tỷ đồng.
- Tại ngày 24/11, số dư nghiệp vụ mua kỳ hạn đang lưu hành đạt 269,6 nghìn tỷ đồng, tăng 20,2% so với cuối tháng trước. Việc dư nợ OMO tăng trở lại cho thấy nhu cầu tiếp cận nguồn vốn ngắn hạn từ NHNN của hệ thống ngân hàng vẫn ở mức cao, phản ánh áp lực cân đối thanh khoản VND chưa hoàn toàn hạ nhiệt.

Lãi suất cho vay qua đêm VND trên thị trường liên ngân hàng



Nguồn: NHNN, CTCK Rồng Việt

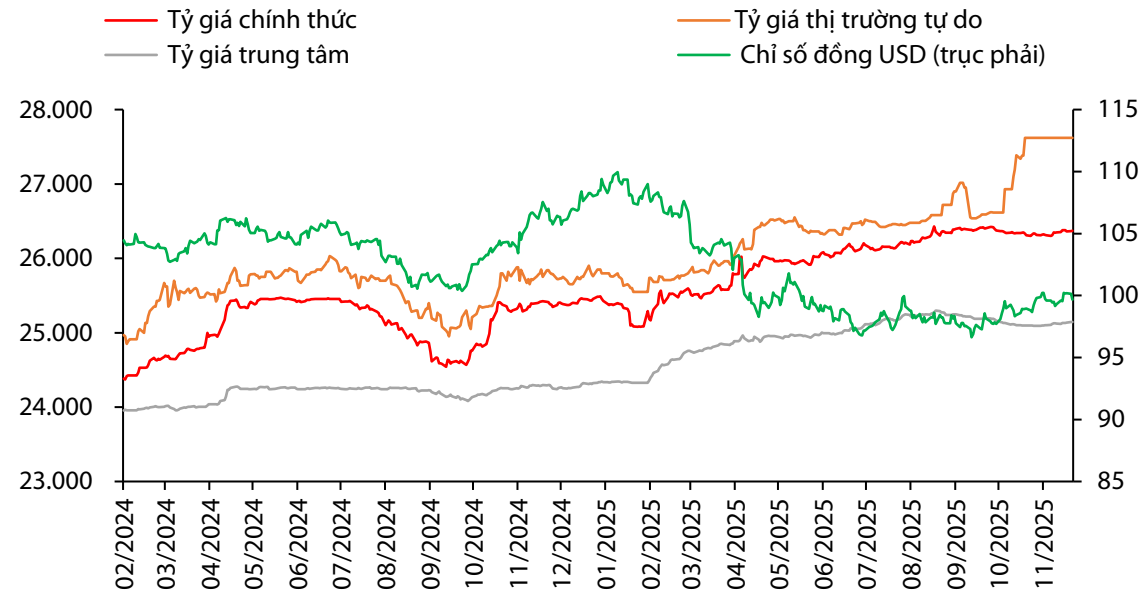
Chênh lệch lãi suất VND - USD



Nguồn: CTCK Rồng Việt tổng hợp

- Lãi suất cho vay VND trên thị trường liên ngân hàng neo cao ở mức gần 6% trong nửa đầu tháng 11 và giảm về mức trung bình 4,3% từ giữa tháng. Tại ngày 21/11, lãi suất cho vay qua đêm VND là 4,38%/năm, thấp hơn 7 điểm cơ bản so với cuối tháng 9, trong khi mức biến động mạnh nhất của lãi suất qua đêm trong tháng 11 được ghi nhận ngày 11/11 lên khoảng 6,1%/năm.
- Việc lãi suất cho vay qua đêm liên tục neo ở mức cao cho thấy sự thận trọng trong việc tăng cường thêm thanh khoản cho hệ thống của nhà điều hành. Trên thị trường 1 (huy động vốn từ người dân và tổ chức), lãi suất huy động của một số ngân hàng ghi nhận mức tăng từ 0,1-0,2 điểm % trong tháng 11.

Diễn biến tỷ giá USDVND



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, CTCK Rồng Việt

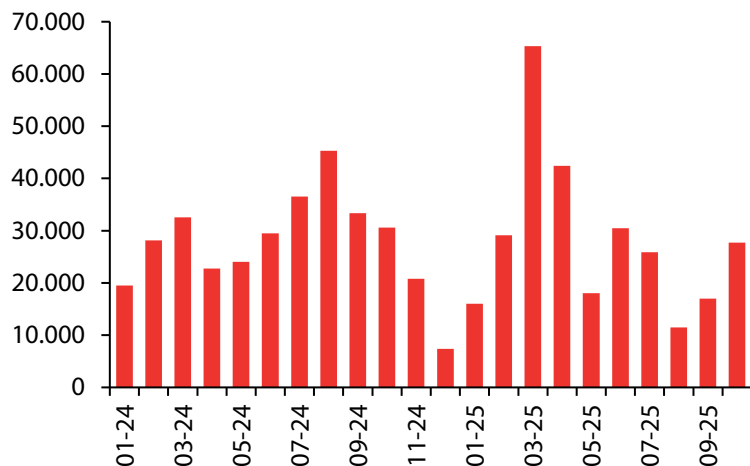
Triển vọng lãi suất Fed trong các cuộc họp sắp tới

	275-300	300-325	325-350	350-375	375-400
12/10/2025	0%	0%	0%	85%	15%
1/28/2026	0%	0%	12%	89%	0%
3/18/2026	0%	0%	51%	49%	0%
4/29/2026	0%	0%	77%	24%	0%
6/17/2026	0%	42%	58%	0%	0%
7/29/2026	0%	80%	21%	0%	0%
9/16/2026	23%	77%	0%	0%	0%
10/28/2026	46%	55%	0%	0%	0%
12/9/2026	69%	31%	0%	0%	0%

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

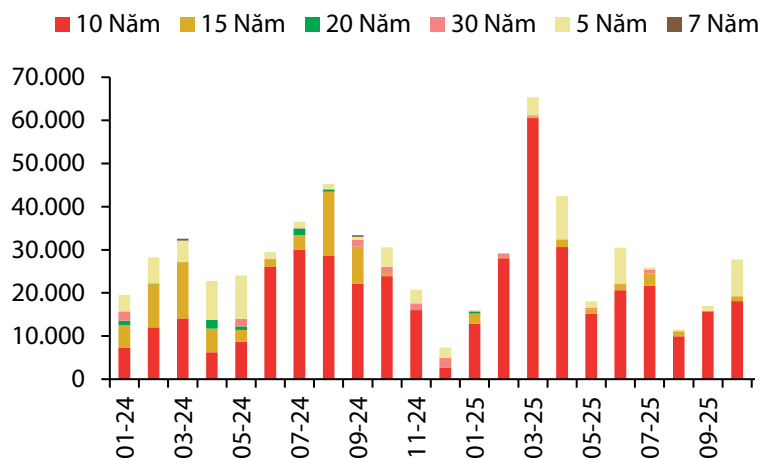
- Chênh lệch tỷ giá trên thị trường tự do và chính thức vẫn duy trì mức cao từ giữa tháng 10 đến nay (1.249 đồng/USD tại ngày 25/11). Mặc dù chênh lệch này bắt đầu thu hẹp dần từ giữa tháng 11 nhưng mức độ chênh lệch vẫn ở mức cao hơn đáng kể so với giai đoạn bình thường trước đây.
- Trong ngắn hạn, nguồn cung ngoại tệ được NHNN đảm bảo trong tương lai đang là điểm neo đối với tỷ giá trên thị trường chính thức. Bên cạnh áp lực tỷ giá sẽ hạ nhiệt nhờ dòng kiều hối dồi dào cuối năm và chênh lệch lãi suất liên ngân hàng VND – USD được kiểm soát ở mức hợp lý.
- Phát biểu của chủ tịch Fed điều hâu trước đó như Williams và Waller đã thay đổi giọng điệu gần đây cùng với các số liệu việc làm và tiêu dùng không quá tích cực như kỳ vọng càng củng cố khả năng cắt giảm 0,25% của Fed trong tháng 12 (CME Fedwatch đạt 85%, tăng từ mức 45% sau cuộc họp FOMC tháng 10) giúp giảm áp lực tỷ giá trong nước.

Giá trị phát hành TPCP theo tháng (tỷ đồng)



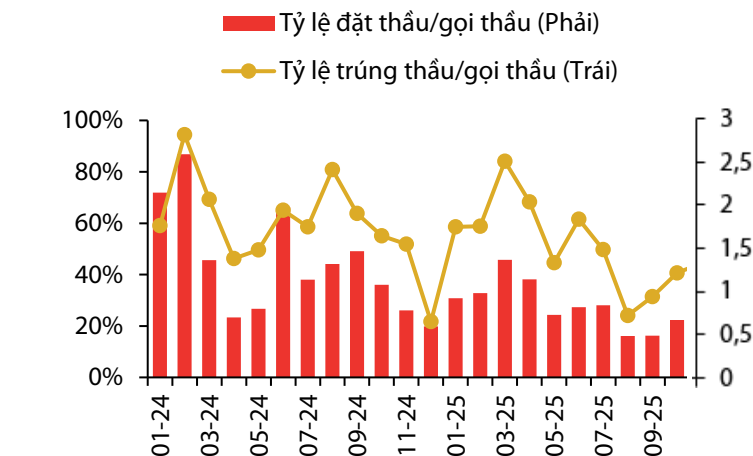
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Giá trị phát hành theo kỳ hạn (tỷ đồng)



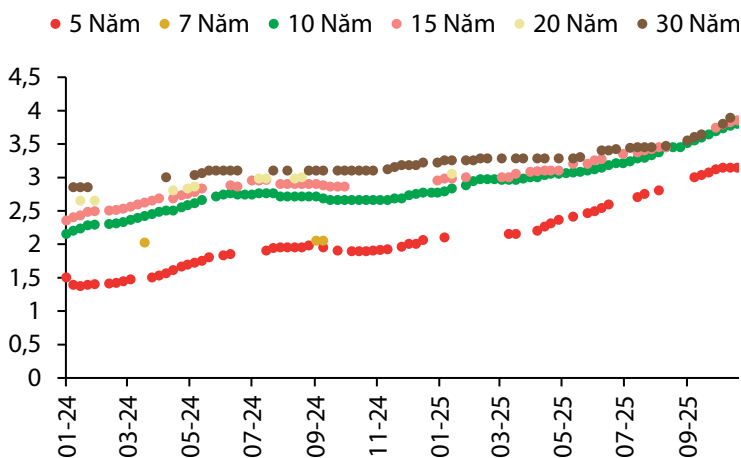
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Tỷ lệ đăng ký và tỷ lệ trúng thầu/gọi thầu



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

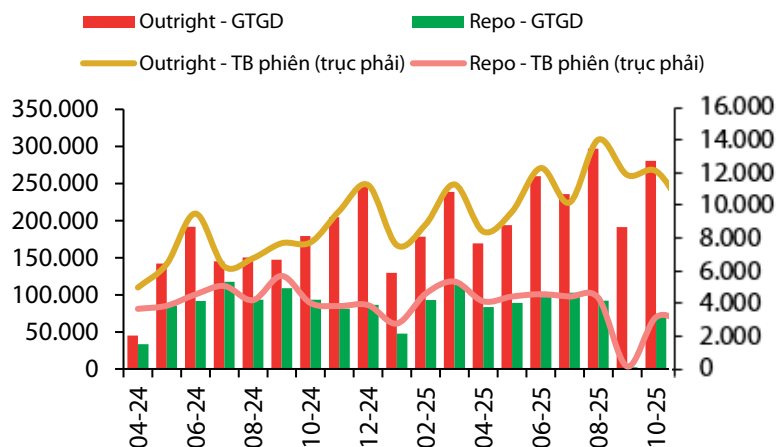
Lãi suất trúng thầu thị trường sơ cấp (%)



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

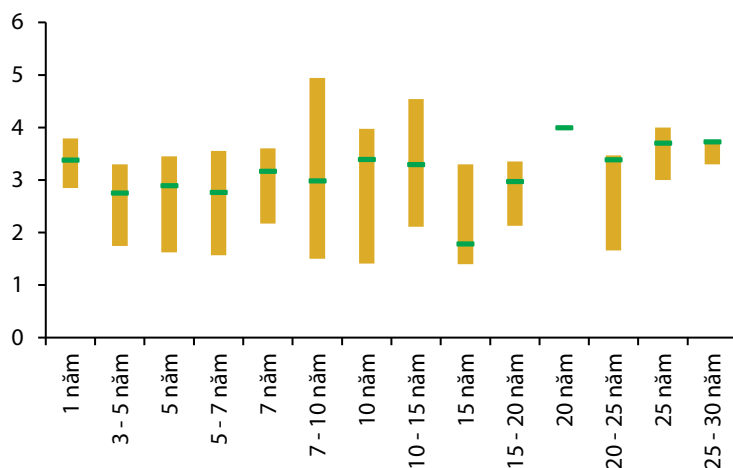
- Tháng 10/2025, giá trị trúng thầu TPCP đạt 27.740 tỷ đồng, phục hồi so với 2 tháng trước đó. Lũy kế 10T đạt 283.429 nghìn tỷ đồng, tương đương 56,7% kế hoạch năm. Tháng 10/2025, nguồn vốn huy động tập trung vào kỳ hạn 10 năm (chiếm 65,3% giá trị trúng thầu) với lãi suất trúng thầu tiếp tục tăng 21 điểm cơ bản so với tháng trước.
- Tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu 67,2% và tỷ lệ trúng thầu/gọi thầu 40,7% vẫn là vùng thấp của năm nhưng có cải thiện dần theo từng phiên trong tháng.
- Trong Quý 4, KBNN đặt mục tiêu phát hành 145 nghìn tỷ đồng TPCP nhằm hoàn thành kế hoạch năm (500 nghìn tỷ đồng). Tuy nhiên, tỷ lệ đặt thầu và trúng thầu/ gọi thầu vẫn ở mức thấp khiến cho khả năng hoàn thành kế hoạch của KBNN trong 2 tháng cuối năm là thách thức lớn. Dự kiến, mỗi tháng KBNN sẽ cần phải phát hành trung bình khoảng 58 nghìn tỷ đồng (chỉ tháng 3/2025 đạt được trên mức này - ~65 nghìn tỷ đồng).

Giá trị giao dịch TPCP (tỷ đồng)



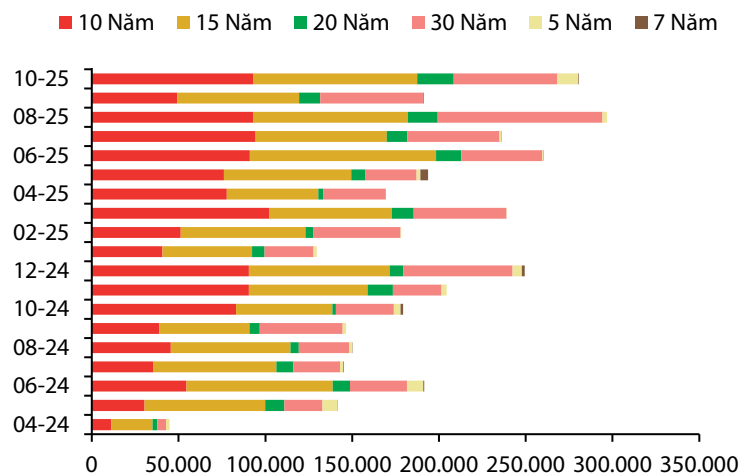
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Vùng lợi suất giao dịch theo kỳ hạn còn lại



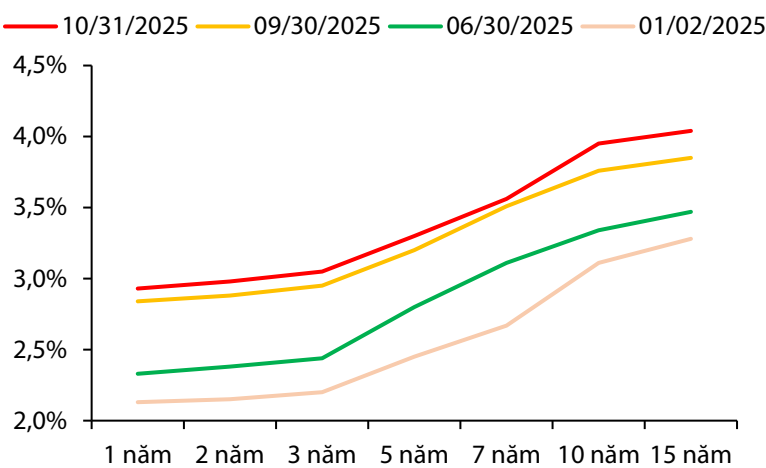
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Giá trị giao dịch theo kỳ hạn (tỷ đồng)



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

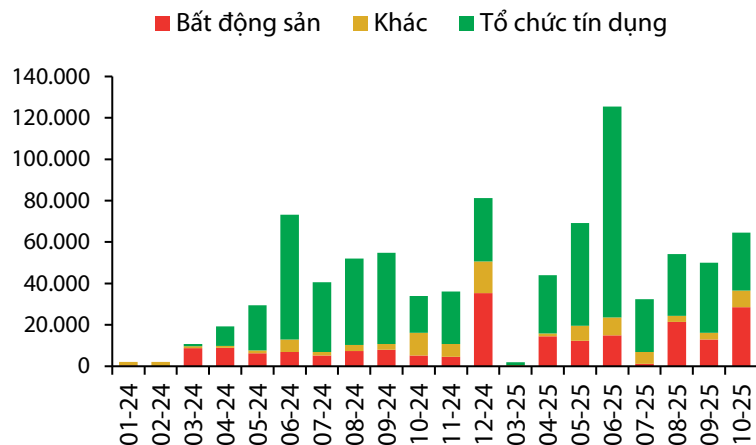
Đường cong lợi suất



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

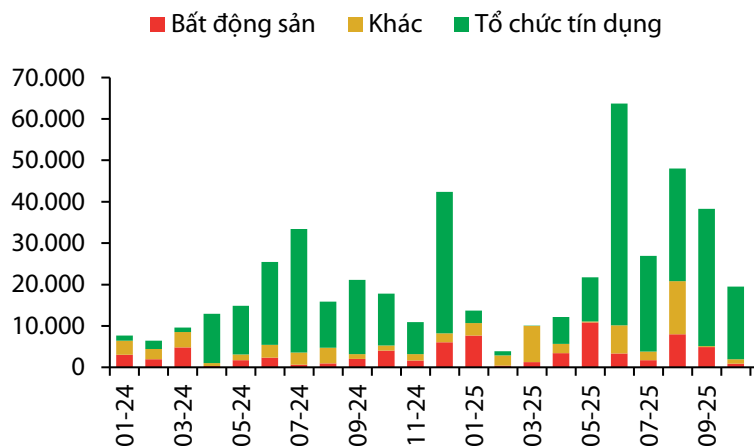
- Thanh khoản TPCP thứ cấp trong tháng 10/2025 đã có sự phục hồi mạnh mẽ, với tổng giá trị giao dịch đạt 387,9 nghìn tỷ đồng, trong đó giao dịch outright chiếm 72,3%, tương đương 280,6 nghìn tỷ đồng, giao dịch repo đạt 107,3 nghìn tỷ đồng.
- Mặc dù thanh khoản tăng, khối ngoại vẫn duy trì xu hướng bán ròng trong tháng 10, tuy nhiên, lũy kế 10 tháng năm 2025, khối ngoại vẫn duy trì trạng thái mua ròng với giá trị 2.196 tỷ đồng.
- Đường cong lợi suất trái phiếu tiếp tục có sự dịch chuyển lên trên khoảng 10 điểm cơ bản trong tháng 10/2025, cho thấy xu hướng tăng của lãi suất. Sự điều chỉnh này có sự nổi rõ rệt hơn ở các kỳ hạn trung và dài (10-15 năm), với mức tăng lợi suất khoảng 20 điểm cơ bản.

Giá trị phát hành TPDN theo tháng (tỷ đồng)



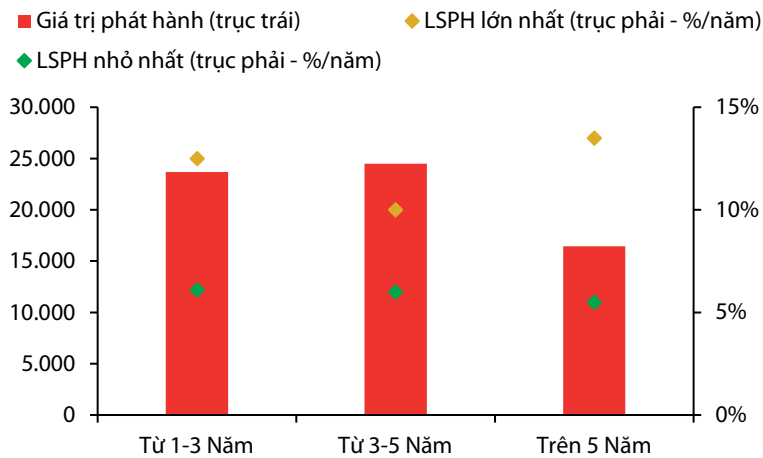
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

GTML trước hạn theo tháng (tỷ đồng)



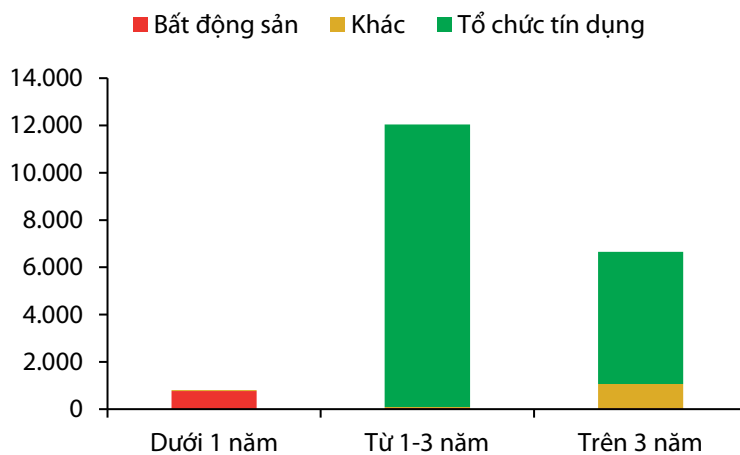
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Hoạt động phát hành



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

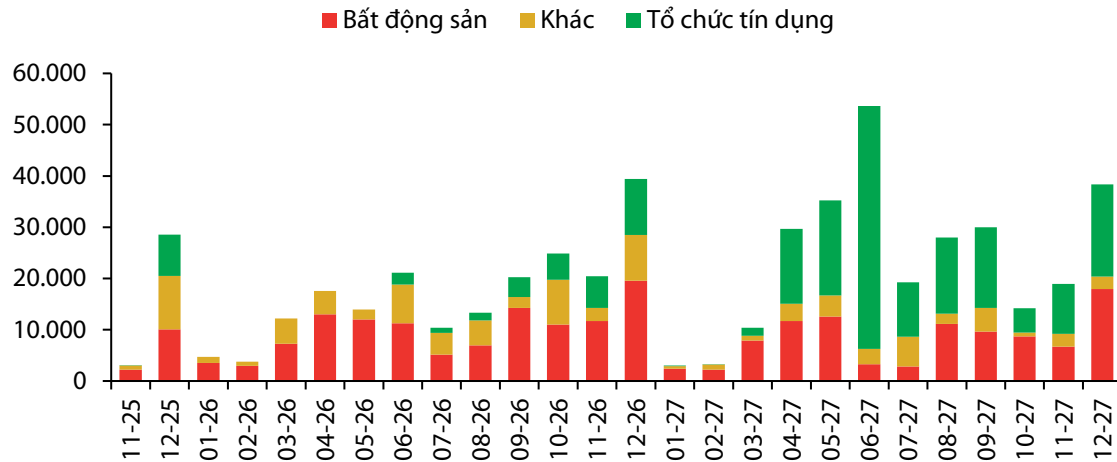
GTML trước hạn theo kỳ hạn còn lại (tỷ đồng)



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

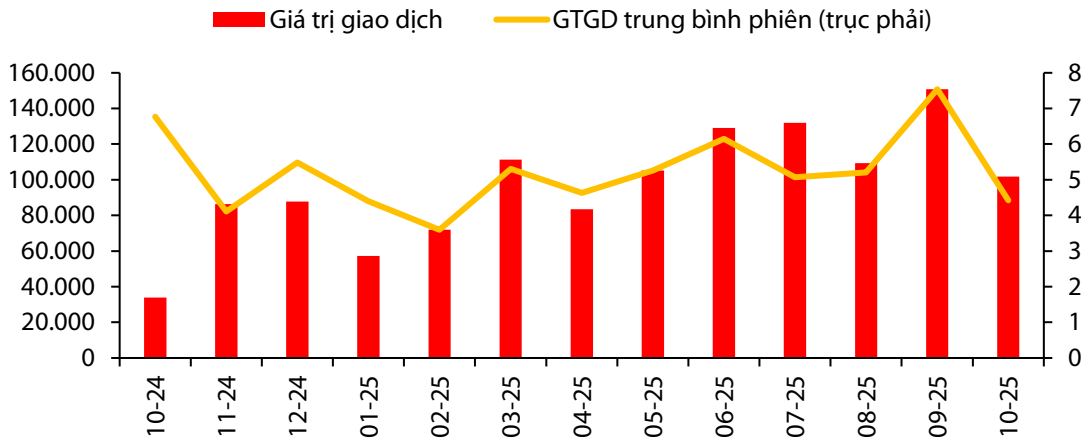
- Trên thị trường sơ cấp, hoạt động phát hành TPDN ghi nhận sự phục hồi rõ nét trong tháng 10/2025 với 52 đợt phát hành. Giá trị phát hành đạt 64.602 tỷ đồng (+29% svtt và +90% svck), cho thấy kênh TPDN dần khởi sắc sau giai đoạn trầm lắng. Lũy kế 10 tháng, giá trị phát hành đạt 442.030 tỷ đồng (+38,9% svck)
- Về cấu trúc kỳ hạn, nguồn vốn vẫn tập trung chủ yếu ở nhóm trái phiếu ngắn – trung hạn, với các kỳ hạn dưới 5 năm chiếm tới 74,5% tổng giá trị phát hành.
- Bất động sản và ngân hàng là 2 nhóm phát hành chủ đạo trong tháng. Đáng chú ý, bất động sản ghi nhận tháng phát hành sôi động nhất kể từ đầu năm, với tổng khối lượng lên tới 28,6 nghìn tỷ đồng. Các thương vụ nổi bật: Thời đại mới T&T (8.050 tỷ đồng; kỳ hạn 1–3 năm; lãi suất 9,0–9,5%/năm), Hưng Phát (7.650 tỷ đồng; kỳ hạn 1,5 năm; lãi suất 9,0%/năm), TCB (5.000 tỷ đồng; kỳ hạn 2–3 năm; lãi suất 6,1%/năm)
- Hoạt động mua lại trước hạn có dấu hiệu chứng lại sau giai đoạn sôi động quý 3. Trong tháng 10, giá trị mua lại đạt 19.498 tỷ đồng (+9,7% svck).

Giá trị đáo hạn TPDN (tỷ đồng)



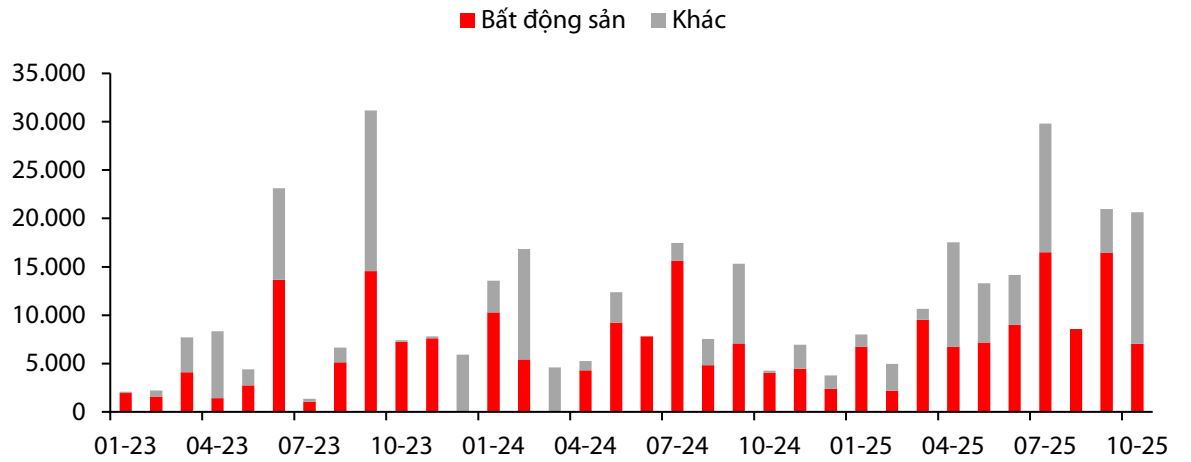
Nguồn: HNX, CTCK Rông Việt

Thanh khoản thị trường thứ cấp (tỷ đồng)



Nguồn: HNX, CTCK Rông Việt

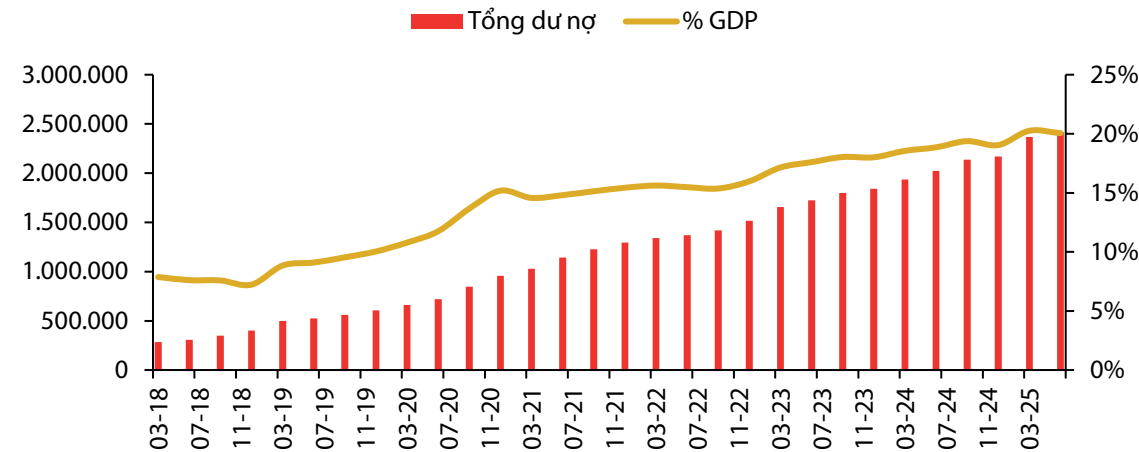
Giá trị trái phiếu hoãn/giãn nợ phát sinh theo tháng (tỷ đồng)



Nguồn: HNX, CTCK Rông Việt

- Áp lực đáo hạn TPDN tăng cao trong tháng 12 khoảng 30 nghìn tỷ đồng. Tháng 11 được xem tương đối bình lặng với giá trị đáo hạn chỉ khoảng 3,09 nghìn tỷ đồng.
- Rủi ro tín dụng trên thị trường tiếp tục hiện hữu khi trong tháng 10 ghi nhận 12 doanh nghiệp, chủ yếu thuộc nhóm bất động sản, công bố chậm thanh toán gốc/lãi trái phiếu. Các trường hợp đáng chú ý gồm: HAGL (6.596 tỷ đồng), Bông Sen (4.800 tỷ đồng) và Năng lượng Trung Nam (2.230 tỷ đồng).
- Trái ngược với sự sôi động trên thị trường sơ cấp, giao dịch TPDN trên thị trường thứ cấp trong tháng 10 có phần trầm lắng. Thanh khoản toàn thị trường chỉ đạt 101,7 nghìn tỷ đồng (-32,5% svtt); giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên thu hẹp còn 4.424 tỷ đồng (-41,3% svtt).

Quy mô thị trường trái phiếu Chính phủ (giá trị và % GDP)



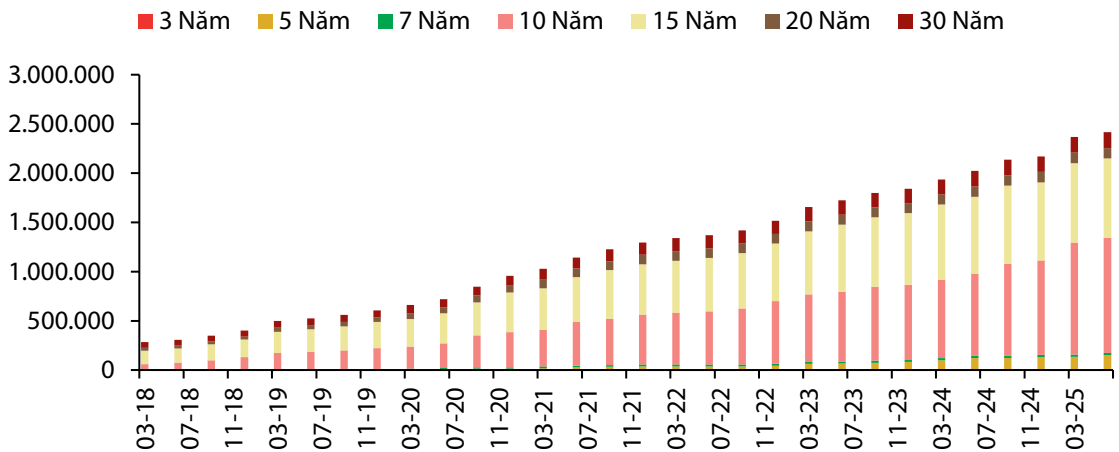
Nguồn: Asianbondonline, CTCK Rồng Việt,

Kế hoạch đấu thầu và thực tế phát hành TPCP

Q3/2025	3 năm	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm	Tổng
Kế hoạch (nghìn tỷ)	20	20		45,5	30	9,5	20	145
Phát hành (nghìn tỷ)		8,5		18,1	1,1		0,05	27,7
% Kế hoạch quý		42,5		39,8	3,6		0,2	19,1

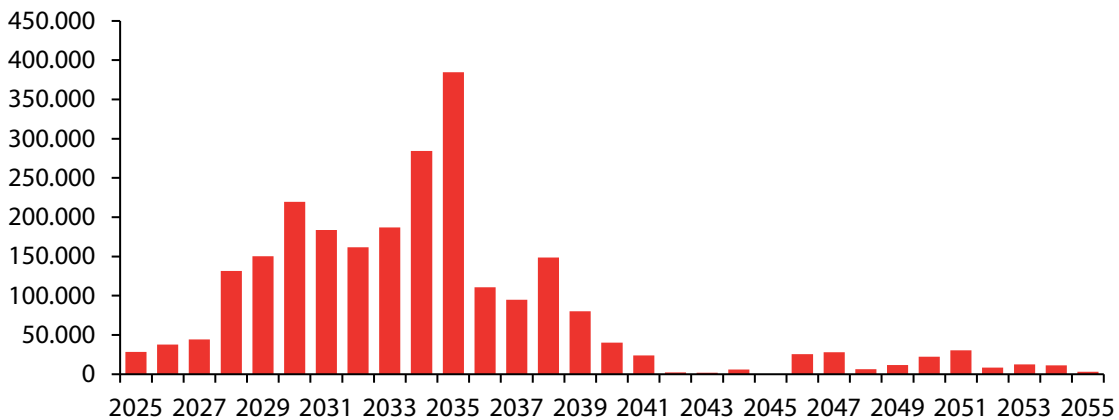
Nguồn: VBMA, CTCK Rồng Việt

Quy mô thị trường trái phiếu Chính phủ theo kỳ hạn (tỷ đồng)



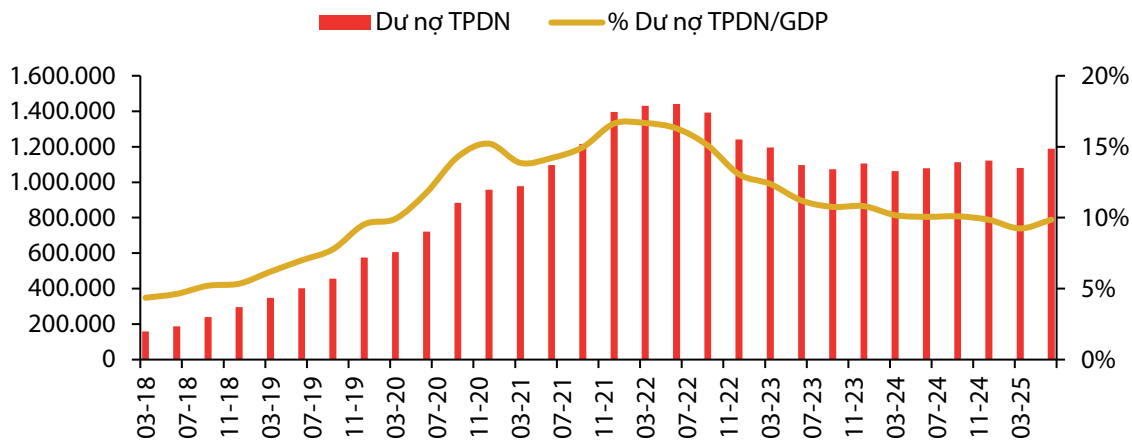
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt,

Lịch trả nợ gốc TPCP (tỷ đồng)



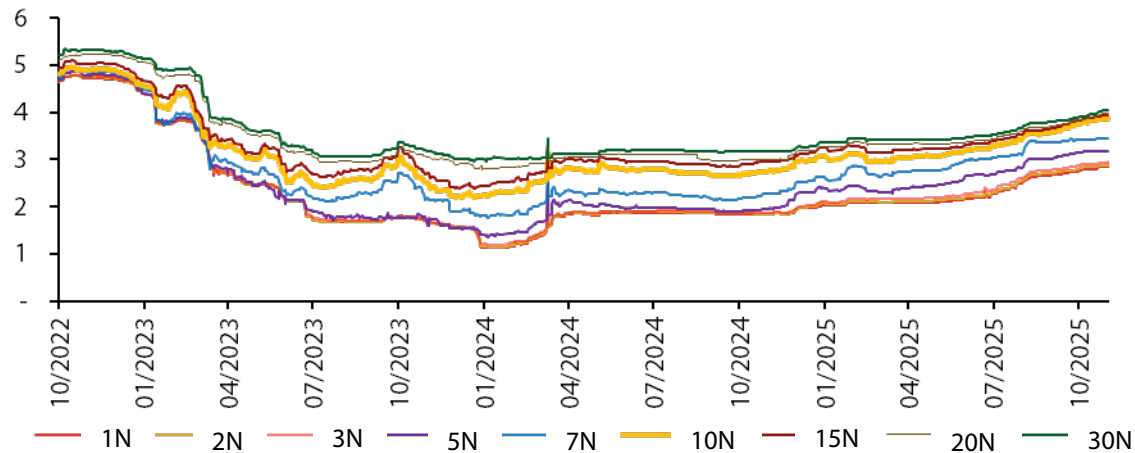
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp (giá trị và % GDP)



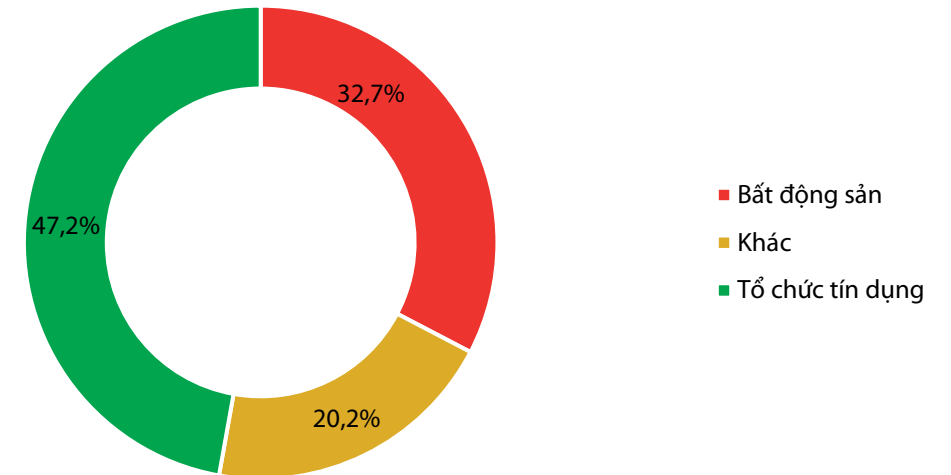
Nguồn: Asianbondonline, CTCK Rồng Việt,

Lãi suất Trái phiếu Chính Phủ (%)



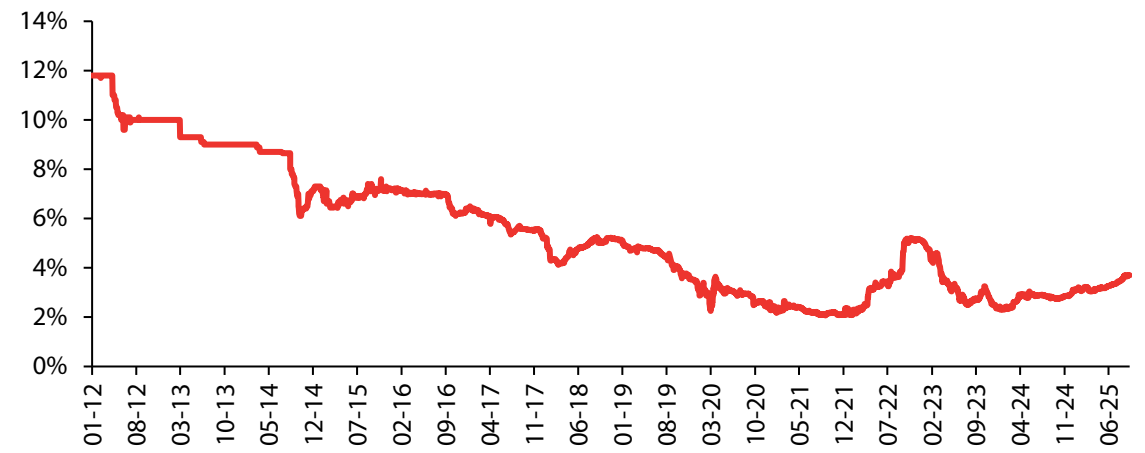
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo ngành



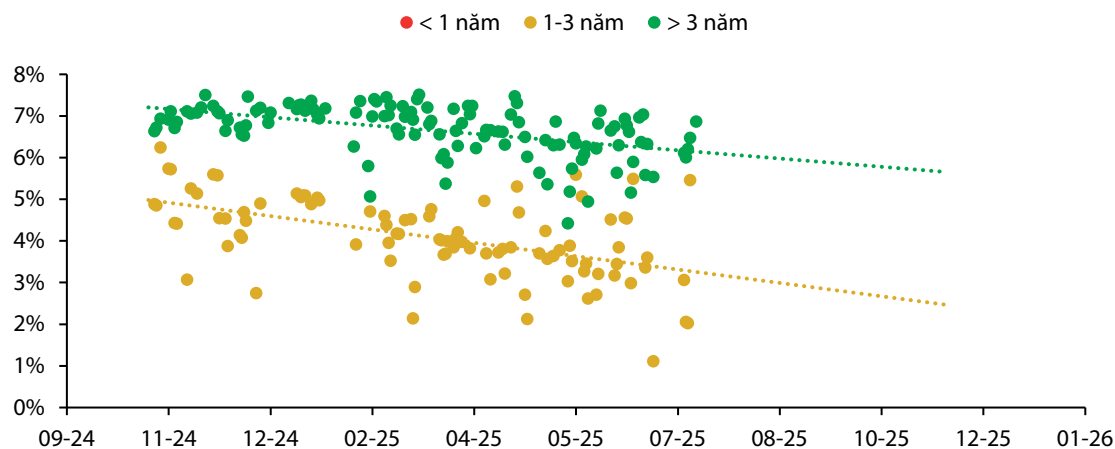
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt,

Độ biến động lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm



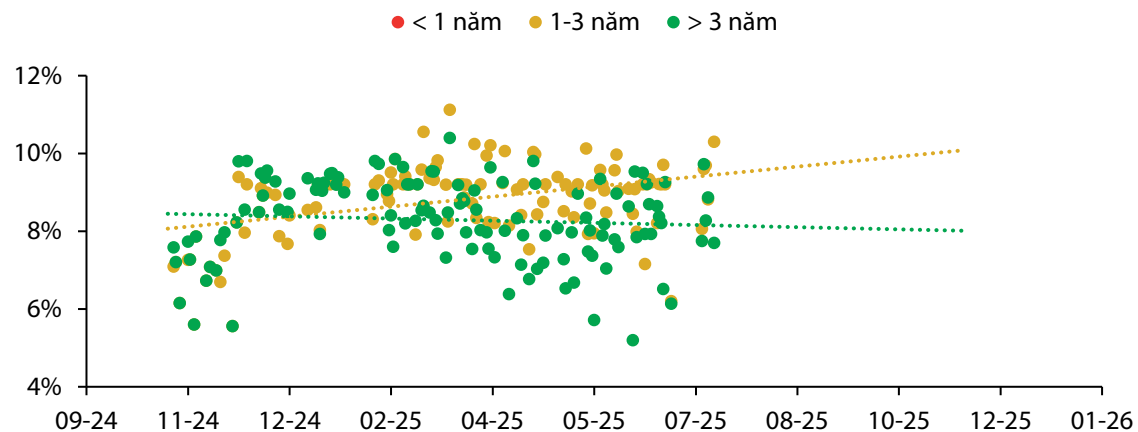
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt,

Tổ chức tín dụng



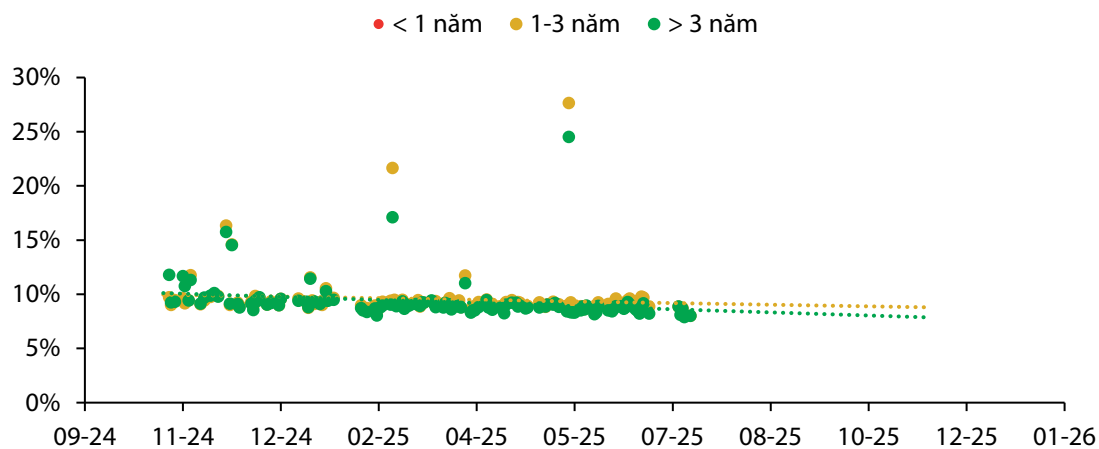
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Kinh doanh chứng khoán



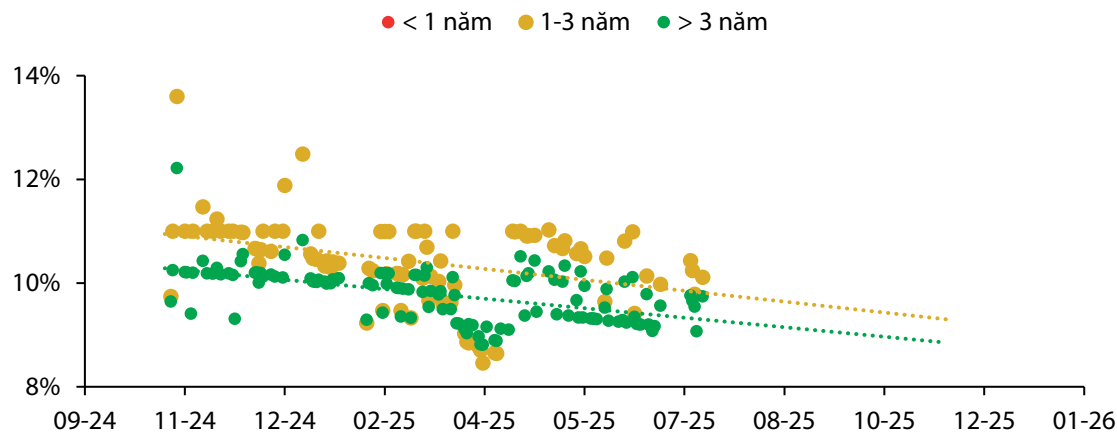
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Bất động sản



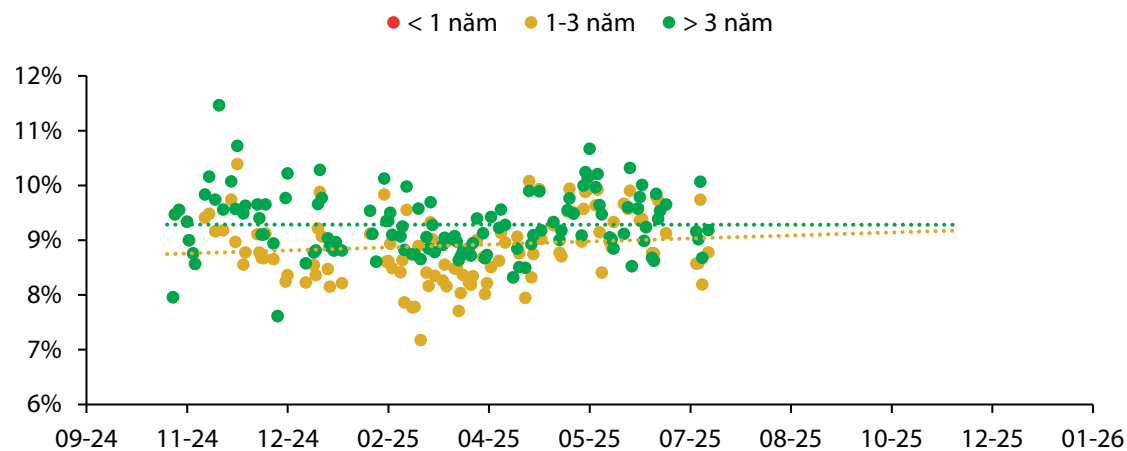
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt,

Xây dựng



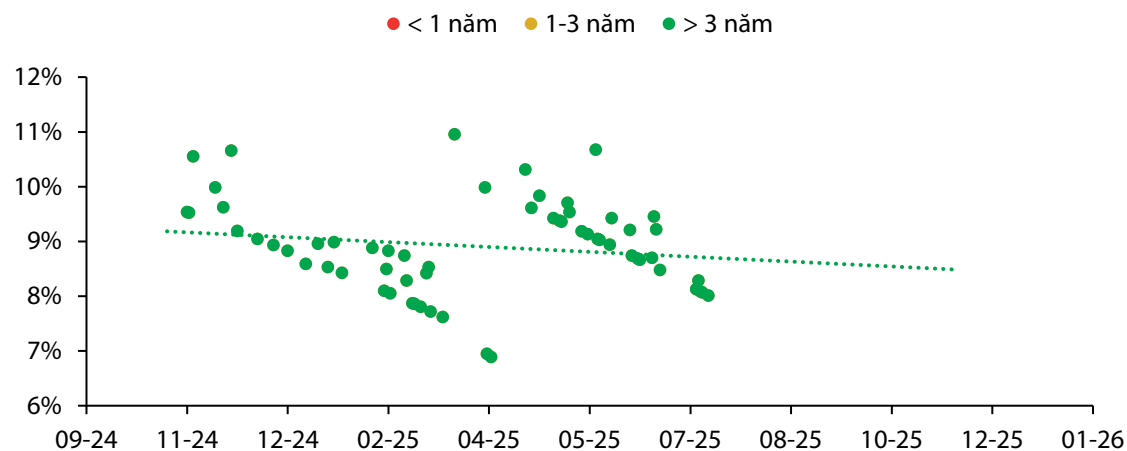
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Sản xuất



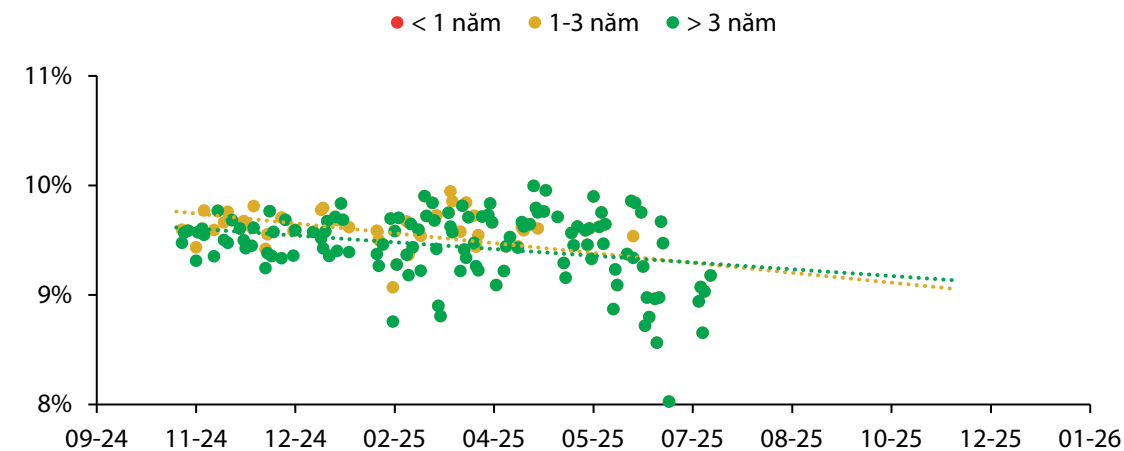
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Năng lượng



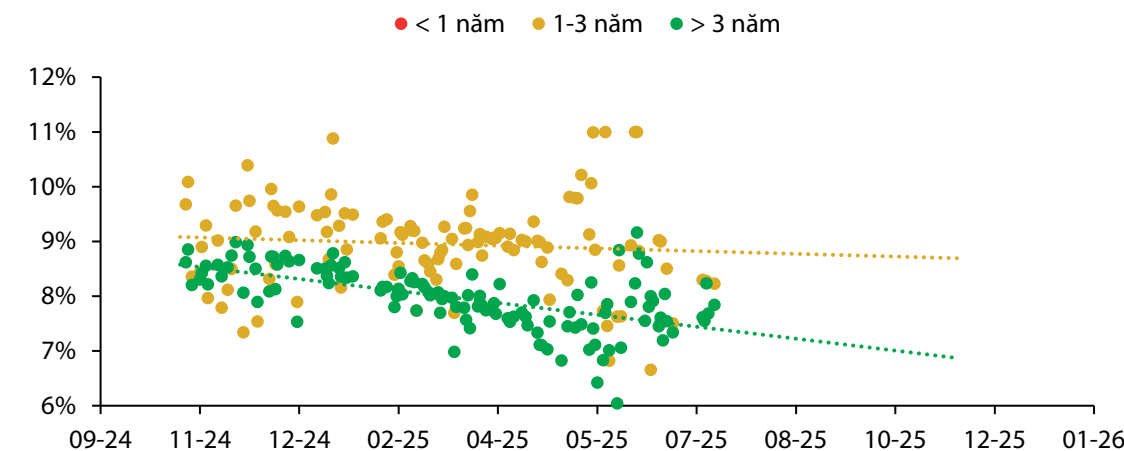
Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Thương mại, dịch vụ



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt,

Lĩnh vực khác



Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Doanh nghiệp	Mã CK	Ngành	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Lãi suất phát hành (%/năm)	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
Công Tư Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thái Sơn		Bất động sản	TSO12501	4.000	12,5%	2	10/28/2025	10/28/2027
Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	SHS	Chứng khoán	SHS12502	360	8,0%	1	10/9/2025	10/9/2026
Công ty cổ phần chứng khoán UP		Khác	UPS12501	13	9,0%	2	10/6/2025	10/6/2027
Công Ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Hạ Tầng Nam Quang		Khác	TNQ32501	1.000	9,1%	9	10/21/2025	10/21/2034
Công ty cổ phần kinh doanh F88	F88	Thương mại, dịch vụ	F8812507	250	10,0%	1,5	10/1/2025	4/1/2027
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	CMG	Thương mại, dịch vụ	CMG12501	1.250	5,5%	10	10/30/2025	10/30/2035
Công ty Cổ phần Thời Đại Mới T&T		Bất động sản	NTJ12501	5.550	9,5%	3	10/14/2025	10/14/2028
Công ty Cổ phần Thời Đại Mới T&T		Bất động sản	NTJ32502	2.500	9,0%	1	10/14/2025	10/14/2026
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực	EVF	Khác	EVF12503	180	7,3%	5	10/1/2025	10/1/2030
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực	EVF	Khác	EVF12504	300	7,0%	5	10/22/2025	10/22/2030
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Hải Đăng		Bất động sản	HDR32501	3.800	9,0%	1	10/13/2025	10/13/2026
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển BĐS Trường Minh		Bất động sản	TRM12503	4.500	9,8%	3	10/14/2025	10/14/2028
Công Ty TNHH Hưng Phát Invest Hà Nội		Bất động sản	IHP12501	7.650	9,0%	1,5	10/14/2025	4/14/2027

Nguồn: HNX, CTCK Rong Việt

Doanh nghiệp	Mã CK	Ngành	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Lãi suất phát hành (%/năm)	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
Công Ty TNHH Mặt Trời Hạ Long		Khác	SHL12504	408	7,5%	5	10/10/2025	10/10/2030
CTCP Chứng khoán Rồng Việt	VDS	Chứng khoán	VDS12504	1.000	8,0%	1	10/7/2025	10/7/2026
CTCP May- Diêm Sài Gòn		Bất động sản	MSG32505	500	9,0%	9	10/10/2025	10/10/2034
CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú		Khác	VPI12503	135	10,0%	3	10/31/2025	10/31/2028
Ctcp Phát Triển TN		Xây dựng	TND12501	2.950	8,8%	5	10/22/2025	10/22/2030
CTCP Tập Đoàn Khải Hoàn Land	KHG	Bất động sản	KHG12501	80	13,5%	5	10/2/2025	10/2/2030
CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A		Sản xuất	PKA12501	120	8,2%	6	10/29/2025	9/30/2031
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	LPB	Ngân hàng	LPB12509	350	7,2%	8	10/13/2025	10/13/2033
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	LPB	Ngân hàng	LPB12510	300	7,0%	7	10/20/2025	10/20/2032
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	LPB	Ngân hàng	LPB12511	2.000	6,5%	3	10/28/2025	10/28/2028
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	LPB	Ngân hàng	LPB12512	2.000	6,5%	3	10/29/2025	10/29/2028
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	LPB	Ngân hàng	LPB12513	200	7,2%	8	10/30/2025	10/30/2033
Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	TPB	Ngân hàng	TPB12536	500	6,2%	2	10/7/2025	10/7/2027

Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt

Doanh nghiệp	Mã CK	Ngành	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Lãi suất phát hành (%/năm)	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	TPB	Ngân hàng	TPB12537	2.000	6,7%	7	10/16/2025	10/16/2032
Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	TPB	Ngân hàng	TPB12538	120	6,8%	10	10/22/2025	10/22/2035
Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	TPB	Ngân hàng	TPB12539	271	7,3%	10	10/23/2025	10/23/2035
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	Ngân hàng	ACB12518	800	6,3%	3	10/9/2025	10/9/2028
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	Ngân hàng	ACB12519	500	6,3%	3	10/10/2025	10/10/2028
Ngân hàng TMCP An Bình	ABB	Ngân hàng	ABB12513	450	7,5%	7	10/13/2025	10/13/2032
Ngân hàng TMCP An Bình	ABB	Ngân hàng	ABB12514	50	7,5%	7	10/27/2025	10/27/2032
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Ngân hàng	BID12547	138	5,7%	7	10/6/2025	10/6/2032
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Ngân hàng	BID12545	100	5,8%	8	10/6/2025	10/6/2033
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Ngân hàng	BID12546	100	5,9%	10	10/6/2025	10/6/2035
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Ngân hàng	BID12548	100	5,7%	7	10/6/2025	10/6/2032
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Ngân hàng	BID12549	347	5,7%	7	10/21/2025	10/21/2032
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Ngân hàng	BID12551	100	6,3%	15	10/21/2025	10/21/2040

Nguồn: HNX, CTCK Rong Việt

Doanh nghiệp	Mã CK	Ngành	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Lãi suất phát hành (%/năm)	Kỳ hạn (năm)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	Ngân hàng	BID12550	75	6,0%	10	10/21/2025	10/21/2035
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	MSB	Ngân hàng	MSB12509	2.500	6,8%	7	10/10/2025	10/10/2032
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	TCB	Ngân hàng	TCB12519	1.000	6,1%	2	10/15/2025	10/15/2027
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	TCB	Ngân hàng	TCB12520	2.000	6,1%	3	10/16/2025	10/16/2028
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	TCB	Ngân hàng	TCB12521	2.000	6,1%	2	10/22/2025	10/22/2027
Ngân hàng TMCP Phương Đông	OCB	Ngân hàng	OCB12526	1.000	6,5%	3	10/2/2025	10/2/2028
Ngân hàng TMCP Phương Đông	OCB	Ngân hàng	OCB12525	600	6,3%	2	10/2/2025	10/2/2027
Ngân hàng TMCP Phương Đông	OCB	Ngân hàng	OCB12527	1.000	6,5%	3	10/8/2025	10/8/2028
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	Ngân hàng	VIB12505	1.575	7,2%	8	10/10/2025	10/10/2033
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	Ngân hàng	VIB12506	3.000	6,0%	3	10/27/2025	10/27/2028
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	SHB	Ngân hàng	SHB12506	380	7,7%	7	10/28/2025	10/28/2032
NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	HDB	Ngân hàng	HDB12504	500	7,5%	8	10/6/2025	10/6/2033
NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	HDB	Ngân hàng	HDB12506	2.000	6,5%	3	10/29/2025	10/29/2028

Nguồn: HNX, CTCK Rồng Việt



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT



Tầng 1 đến Tầng 8, Toà nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh



www.vdsc.com.vn



RONGVIET SECURITIES CORPORATION (VDSC)

**DỊCH VỤ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025**
GIẢI THƯỞNG GLOBAL BANKING & FINANCE